|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /2022/TT-BGTVT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không**

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.
2. Thông tư này áp dụng đối với:
3. Doanh nghiệp cảng hàng không;
4. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không: khai thác nhà ga hành khách; khai thác nhà ga, kho hàng hóa; phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không; kỹ thuật hàng không; cung cấp suất ăn hàng không; cung cấp xăng dầu hàng không;
5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Khung giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không**

1. Khung giá

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục** | **Khung giá** | |
| **Tối thiểu** | **Tối đa** |
| 1 | Nhượng quyền khai thác nhà ga hành khách quốc tế | 15% | 24% |
| 2 | Nhượng quyền khai thác nhà ga, kho hàng hoá | 1,5% | 4,5% |
| 3 | Nhượng quyền khai thác phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất | 1,5% | 4,5% |
| 4 | Nhượng quyền khai thác sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không tại khu vực thuộc quản lý của người khai thác cảng hàng không | 1% | 3% |
| 5 | Nhượng quyền khai thác kỹ thuật hàng không tại khu vực thuộc quản lý của người khai thác cảng hàng không | 1% | 3% |
| 6 | Nhượng quyền khai thác cung cấp suất ăn hàng không | 75.000 đồng/chuyến bay | 225.000 đồng/chuyến bay |
| 7 | Nhượng quyền khai thác cung cấp xăng dầu hàng không | 1,2 USD/tấn | 3,6 USD/tấn |

1. Quy định về việc tính giá nhượng quyền khai thác
2. Các mức giá nhượng quyền quy định tại khoản 1 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng;
3. Các mức giá nhượng quyền theo tỷ lệ % quy định tại mục 1 đến mục 5 khoản 1 Điều này được tính trên doanh thu (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) của doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ tương ứng;

c) Các mức giá nhượng quyền quy định tại mục 6 khoản 1 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được tính theo sản lượng chuyến bay sử dụng dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không của doanh nghiệp được nhượng quyền;

d) Các mức giá nhượng quyền quy định tại mục 7 khoản 1 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, được tính theo sản lượng xăng dầu hàng không mà doanh nghiệp được nhượng quyền đã cung ứng;

đ) Doanh thu hoặc sản lượng để tính giá nhượng quyền khai thác không bao gồm doanh thu hoặc sản lượng của các công ty cung cấp dịch vụ cho chính doanh nghiệp mình và công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ cung ứng dịch vụ cho Công ty mẹ.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng....năm 2022.
2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Các Thứ trưởng Bộ GTVT;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;  - Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;  - Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;  - Các CVHK: miền Bắc, miền Trung, miền Nam; - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP;  - Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn;  - Các hãng hàng không: VNA, PA, VJ, BAV, VTA;  - Các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hàng không;  - Lưu: VT, VTải (B5). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Văn Thể** |